



BIỂU THU HỒI VÀ BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG DO SÁP NHẬP NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhân Lý)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên đơn vị	Mã QHNS	Mã nguồn	Dự toán giao năm 2026 (bao gồm: DT giao đầu năm, DT chuyển nguồn và DT bổ sung)	Điều chỉnh kinh phí theo các Quyết định 872, 873, 874, 875, 876 /QĐ-UBND ngày 24/8/2026 của UBND xã Nhân Lý về sáp nhập trường								Ghi chú
					Tổng kinh phí thu hồi	Trong đó:			Tổng kinh phí bổ sung	Trong đó:			
						Số đã chi tính đến ngày	Dự toán giữ lại	Dự toán còn lại		Số đã chi tính đến ngày	Dự toán giữ lại	Dự toán còn lại	
A	B	C	D	I	2=3+4+5	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	E
	TỔNG CỘNG			64.224.901.000	64.224.901.000	50.053.015.544	224.000.000	13.947.885.456	64.224.901.000	50.053.015.544	224.000.000	13.947.885.456	
1	Trường MN Nhân Lý	1106907	Tổng	4.475.380.000	4.475.380.000	3.419.961.500	17.000.000	1.038.418.500	9.533.003.000	7.142.557.500	35.000.000	2.355.445.500	KP đã chi tính đến ngày 26/8/2026
			12	356.380.000	356.380.000	355.930.000		450.000	719.690.000	719.240.000	450.000		
			13	3.932.000.000	3.932.000.000	2.894.031.500		1.037.968.500	8.431.313.000	6.089.317.500	2.341.995.500		
			18	170.000.000	170.000.000	170.000.000		0	347.000.000	334.000.000	13.000.000		
			28	17.000.000	17.000.000		17.000.000		35.000.000		35.000.000		
2	Trường MN Bắc Thủy	1031606	Tổng	5.411.310.000	5.411.310.000	3.722.596.000	18.000.000	1.670.714.000					KP đã chi tính đến ngày 25/8/2026
			12	363.310.000	363.310.000	363.310.000		0					
			13	4.853.000.000	4.853.000.000	3.195.286.000		1.657.714.000					
			18	177.000.000	177.000.000	164.000.000		13.000.000					
			28	18.000.000	18.000.000		18.000.000						
3	Trường MN Mai Sao	1031612	Tổng	5.476.520.000	5.476.520.000	4.778.514.000	21.000.000	677.006.000	11.677.288.000	9.308.450.000	40.000.000	2.328.838.000	KP đã chi tính đến ngày 26/8/2026
			12	430.520.000	430.520.000	428.680.000		1.840.000	908.710.000	906.430.000	2.280.000		
			13	4.815.000.000	4.815.000.000	4.244.840.000		570.160.000	10.325.578.000	8.104.026.000	2.221.552.000		
			18	210.000.000	210.000.000	104.994.000		105.006.000	403.000.000	297.994.000	105.006.000		
			28	21.000.000	21.000.000		21.000.000		40.000.000		40.000.000		
4	Trường MN Lâm Sơn	1115350	Tổng	6.018.190.000	6.018.190.000	4.529.936.000	19.000.000	1.469.254.000					KP đã chi tính đến ngày 25/8/2026
			12	478.190.000	478.190.000	477.750.000		440.000					
			13	5.328.000.000	5.328.000.000	3.859.186.000		1.468.814.000					
			18	193.000.000	193.000.000	193.000.000		0					
			28	19.000.000	19.000.000		19.000.000						
5	Trường TH Nhân Lý	1015935	Tổng	6.872.018.000	6.872.018.000	5.168.219.044	28.000.000	1.675.798.956	8.205.220.000	5.168.219.044	28.000.000	3.009.000.956	KP đã chi tính đến ngày 25/8/2026
			12	297.018.000	297.018.000	297.018.000		0	297.018.000	297.018.000	0		
			13	6.268.000.000	6.268.000.000	4.592.201.044		1.675.798.956	7.601.202.000	4.592.201.044	3.009.000.956		
			18	279.000.000	279.000.000	279.000.000		0	279.000.000	279.000.000	0		
			28	28.000.000	28.000.000		28.000.000		28.000.000	28.000.000	0		
6	Trường TH Mai Sao	1032964	Tổng	6.366.604.000	6.366.604.000	5.132.766.000	21.000.000	1.212.838.000	7.438.531.000	5.132.766.000	21.000.000	2.284.765.000	KP đã chi tính đến ngày 30/8/2026
			12	361.482.000	361.482.000	361.482.000		0	361.482.000	361.482.000	0		
			13	5.736.122.000	5.736.122.000	4.523.284.000		1.212.838.000	6.808.049.000	4.523.284.000	2.284.765.000		
			18	248.000.000	248.000.000	248.000.000		0	248.000.000	248.000.000	0		
			28	21.000.000	21.000.000		21.000.000		21.000.000	21.000.000	0		
7	Trường THCS Mai Sao	1032964	Tổng	5.838.464.000	5.838.464.000	4.824.241.000	22.000.000	992.223.000	13.305.862.000	11.472.439.000	51.000.000	1.782.423.000	KP đã chi tính đến ngày 30/8/2026
			12	884.464.000	884.464.000	884.464.000		0	2.045.434.000	2.045.434.000	0		
			13	4.691.000.000	4.691.000.000	3.698.777.000		992.223.000	10.699.428.000	8.917.005.000	1.782.423.000		
			18	241.000.000	241.000.000	241.000.000		0	510.000.000	510.000.000	0		
			28	22.000.000	22.000.000		22.000.000		51.000.000	51.000.000	0		
8	Trường THCS Bắc Thủy	1175856	Tổng						14.064.997.000	11.828.584.000	49.000.000	2.187.413.000	
			12						1.600.230.000	1.600.230.000			
			13						11.952.767.000	9.765.354.000	2.187.413.000		
			18						463.000.000	463.000.000			
			28						49.000.000		49.000.000		
9	Trường TH và THCS Lâm Sơn	1127130	Tổng	8.538.970.000	8.538.970.000	6.648.198.000	29.000.000	1.861.772.000	0				KP đã chi tính đến ngày 30/8/2026
			12	1.160.970.000	1.160.970.000	1.160.970.000		0	0				
			13	7.080.000.000	7.080.000.000	5.218.228.000		1.861.772.000	0				
			18	269.000.000	269.000.000	269.000.000		0	0				
			28	29.000.000	29.000.000		29.000.000		0				
9	Trường TH và THCS Bắc Thủy	1133616	Tổng	15.227.445.000	15.227.445.000	11.828.584.000	49.000.000	3.349.861.000	0				KP đã chi tính đến ngày 26/8/2026
			12	1.600.230.000	1.600.230.000	1.600.230.000		0	0				
			13	13.115.215.000	13.115.215.000	9.765.354.000		3.349.861.000	0				
			18	463.000.000	463.000.000	463.000.000		0	0				
			28	49.000.000	49.000.000		49.000.000		0				